TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 65/2021/DS - ST.
Ngày: 27 - 9 - 2021.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Rực;

Ông Võ Văn Phượng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2020/TLST-DS ngày 23/11/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2021/QĐXXST - DS, ngày 09 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng chính S; địa chỉ: Số 169, Phố Linh Đ, phường Hoàng L, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Thế K – Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L; địa chỉ: Ấp 3, thị trấn Long P, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn "Giấy ủy quyền số 302/GUQ – NHCS ngày 22/9/2021 của Ngân hàng chính S" (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1973, ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1992 và ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1993; cùng địa chỉ: Ấp Th, xã Long Đ, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 01/9/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 09/4/2017, hộ gia đình bà Phạm Thị L có làm giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay để vay của Ngân hàng Chính S (gọi tắt là: Ngân hàng) số tiền 20.000.000 đồng theo chương trình vay hộ nghèo. Mục đích vay:

chăn nuôi heo. Thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng một lần. Lãi suất 0,55%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay. Đến ngày 20/4/2017 được Ngân hàng phê duyệt và giải ngân vào ngày 20/4/2017 với số tiền là 20.000.000đồng và xác định hạn trả nợ cuối cùng là ngày 20/4/2020. Đến ngày 28/4/2020 Ngân hàng tiến hành gia hạn thời hạn trả nợ cho bà L thời hạn trả nợ cuối vào ngày 20/7/2020; ngày 13/5/2016, bà Phạm Thị L có làm giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay để vay của Ngân hàng Chính S (gọi tắt là: Ngân hàng) số tiền 12.000.000 đồng theo chương trình vay nước sạch và vệ sinh môi T nông thôn. Mục đích vay: xây dựng công trình. Thời hạn vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng một lần. Lãi suất 0,75%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay. Đến ngày 19/5/2016 được Ngân hàng phê duyệt và giải ngân vào ngày 20/5/2016 với số tiền là 12.000.000đồng và xác định hạn trả nợ cuối cùng là ngày 20/5/2021, bà L đã nhận đủ số tiền trên. Việc vay vốn của hộ bà Phạm Thị L được sự ủy quyền của ông Nguyễn Hồng Sỉ và ông Nguyễn Hồng T là con ruột bà L nhằm đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ cho các khoản vay của bà L. Đến hạn trả nợ bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Hồng Sỉ và ông Nguyễn Hồng T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn và nhiều lần yêu cầu bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Hồng Sỉ và ông Nguyễn Hồng T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Hồng Sỉ và ông Nguyễn Hồng T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Hồng Sỉ và ông Nguyễn Hồng T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ với tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 27/9/2021 là 43.067.180 đồng bao gồm 32.000.000 đồng tiền gốc và 11.067.000 đồng; đồng thời phải trả phần lãi từ ngày 28/9/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 04 tháng 01 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị L trình bày: Về thời gian, thủ tục vay giống như lời trình bày của nguyên đơn. Bà thừa nhận có vay của Ngân hàng số tiền 32.0000.000đồng. Đối với số tiền nợ vay này bà đồng ý bà và các thành viên trong hộ tại thời điểm vay là ông Nguyễn Hồng Sỉ và ông Nguyễn Hồng T cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng, tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh bà đang gặp khó khăn về vấn đề kinh tế nên bà xin được trả dần số tiền nợ này cho bà Phượng với phương thức mỗi tháng trả một lần số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) cho đến khi hết nợ.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 103, Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính S về việc buộc bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Hồng S và ông Nguyễn Hồng T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính S số tiền là 43.067.180 đồng bao gồm 32.000.000 đồng tiền gốc và 11.067.000 đồng tiền lãi; ngoài ra phải trả phần lãi từ ngày 28/9/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Đồng thời, áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án bà Phạm Thị

L, ông Nguyễn Hồng S và ông Nguyễn Hồng T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Hồng Sỉ và ông Nguyễn Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Hồng Sỉ và ông Nguyễn Hồng T.

[2]. Về hiệu lực của hợp đồng vay tài sản: Việc ký kết giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay giữa Phạm Thị L với Ngân hàng theo sổ lưu tờ rời theo dõi nợ vay – thu nợ - dư nợ vào ngày 20/5/2016, mã món vay: 6600000707411017 và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay giữa Phạm Thị L với Ngân hàng theo sổ lưu tờ rời theo dõi nợ vay – thu nợ - dư nợ vào ngày 20/4/2017, mã món vay: 6600000710139972 là hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm ký kết, các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ thẩm quyền và năng lực giao kết hợp đồng. Hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính S: Vào ngày 09/4/2017, hộ gia đình bà Phạm Thị L có làm giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay để vay của Ngân hàng Chính S số tiền 20.000.000 đồng theo chương trình vay hộ nghèo. Mục đích vay: chăn nuôi heo. Thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng một lần. Lãi suất 0,55%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay. Đến ngày 20/4/2017 được Ngân hàng phê duyệt và giải ngân vào ngày 20/4/2017 với số tiền là 20.000.000đồng và xác định hạn trả nợ cuối cùng là ngày 20/4/2020. Đến ngày 28/4/2020 Ngân hàng tiến hành gia hạn thời hạn trả nợ cho bà L thời hạn trả nợ cuối vào ngày 20/7/2020; ngày 13/5/2016, bà Phạm Thị L có làm giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay để vay của Ngân hàng Chính S số tiền 12.000.000 đồng theo chương trình vay nước sạch và vệ sinh môi T nông thôn. Mục đích vay: xây dựng công trình. Thời hạn vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng một lần. Lãi suất 0,75%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay. Đến ngày 19/5/2016 được Ngân hàng phê duyệt và giải ngân vào ngày 20/5/2016 với số tiền là 12.000.000đồng và xác định hạn trả nợ cuối cùng là ngày 20/5/2021, bà L đã nhận đủ số tiền trên. Việc vay vốn của hộ bà Phạm Thị L được sự ủy quyền của ông Nguyễn Hồng Sỉ và ông Nguyễn Hồng T là con ruột bà L nhằm đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ cho các khoản vay của bà L.

Đến hạn trả nợ bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Hồng Sỉ và ông Nguyễn Hồng T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn và nhiều lần yêu cầu bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Hồng Sỉ và ông Nguyễn Hồng T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Hồng Sỉ và ông Nguyễn Hồng T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù bà L là người trực tiếp đứng tên người vay nhưng ông Sỉ và ông T là con bà L, là thành viên của hộ, việc vay vốn của Ngân hàng chính sách mục đích phục vụ cho việc chăn nuôi và xây dựng công trình vệ sinh phục vụ cho mục đích phát triển kinh tế gia đình, vì lợi ích chung của hộ. Căn cứ quy định tại Điều 103 Bộ luật dân sự năm 2015 *"Nghĩa vụ dân sự phát sinh từ việc tham gia quan hệ dân*

sự của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân được bảo đảm thực hiện bằng tài sản chung của các thành viên". Vì vậy, bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Hồng Sỉ và ông Nguyễn Hồng T cùng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính S.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn bà L thống nhất bà có vay của Ngân hàng số tiền 32.0000.000đồng. Đối với số tiền nợ này bà đồng ý bà và các thành viên trong hộ tại thời điểm vay là ông Nguyễn Hồng Sỉ và ông Nguyễn Hồng T cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng, tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh bà đang gặp khó khăn về vấn đề kinh tế nên bà xin được trả dần số tiền nợ hụi này cho bà Phượng với phương thức mỗi tháng trả một lần số tiền 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng) cho đến khi hết nợ. Đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng Sỉ và ông Nguyễn Hồng T, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập đến làm việc nhưng ông đều vắng mặt. Tại phiên tòa, ông Sỉ và ông T tiếp tục vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nêu quan điểm của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên coi như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì những tình tiết nêu trên không phải chứng minh nên đủ cở sở xác định bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Hồng Sỉ và ông Nguyễn HồngT có vay vốn của Ngân hàng chính S và hiện nay còn nợ tiền gốc và lãi theo nội dung khởi kiện của Ngân hàng chính S là có thật.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn buộc bị đơn bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Hồng Sỉ và ông Nguyễn Hồng T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính S với tổng số tiền tính đến ngày 27/9/2021 là 43.067.180 đồng bao gồm 32.000.000 đồng tiền gốc và 11.067.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Hồng Sỉ và ông Nguyễn Hồng T phải chịu 2.153.359 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 103, Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

1. Buộc bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Hồng S, ông Nguyễn Hồng T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính S số tiền là 43.067.180 đồng (Bốn mươi ba triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm tám mươi đồng). Bao gồm 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 27/9/2021 là 11.067.000 đồng (Mười một triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày 28/9/2021, bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Hồng S, ông Nguyễn Hồng T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. T hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Hồng S, ông Nguyễn Hồng T phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Hồng Sỉ và ông Nguyễn Hồng T phải chịu 2.153.359 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi ba nghìn ba trăm năm mươi chín đồng) án phí án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền giao kết thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thanh Hoa